

ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT NGÀNH DỆT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

ORIENTATIONS FOR RE-OPERATION OF TEXTILE INDUSTRY IN DANANG CITY

NINH THỊ THU THỦY
Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Ngành dệt là thượng nguồn của ngành may, sự yếu kém của ngành dệt là nguyên nhân chính cản trở quan hệ liên kết dệt – may, từ đó làm giảm hiệu quả kinh tế của toàn ngành dệt – may. Trên cơ sở đánh giá hiện trạng, bài viết đề xuất những định hướng cơ bản cho việc tổ chức lại sản xuất trong ngành dệt thành phố Đà Nẵng theo hướng mở rộng quan hệ liên kết giữa các doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm. Từ đó tạo tiền đề hình thành quá trình sản xuất khép kín: Dệt vải - may mặc trên địa bàn, góp phần nâng cao giá trị gia tăng toàn ngành dệt - may.

ABSTRACT

Textile industry is garment industry's precondition, its weakness evidently brings about an obstruction of textile – garment linkage, thereby making less economic efficient level of the entire textile - garment industry. Based on the performance assessment, it is proposed in this research paper some basis orientations of textile production reorganization, in terms of expanding relationships among firms, in order to increase production capacity and product quality. Those form an coherent process of weaving fabrics and making clothes, making high added value of entire textile – garment industry in DaNang city.

1. Ý nghĩa của việc phát triển ngành dệt thành phố Đà Nẵng

- *Nếu xét trong nội vùng thành phố Đà Nẵng:* Dựa vào bảng I/O thành phố Đà Nẵng năm 2004 [1, Tr.59-76] ta tính được các hệ số liên kết xuôi và liên kết ngược của ngành dệt như sau:

Bảng 1: Tác động xuôi, ngược của ngành dệt thành phố Đà Nẵng

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ngành Dệt</i>
Nhân tử đầu ra (OM)	2,815
Hệ số liên kết ngược (BL)	1,244
Nhân tử đầu vào (IM)	3,64
Hệ số liên kết xuôi (FL)	1,61

Nhân tử đầu ra của ngành dệt (OM = 2,815) cho biết để tạo ra 1 đơn vị sử dụng cuối cùng, ngành dệt cần 2,815 đơn vị đầu vào trực tiếp và gián tiếp từ các ngành khác. Hệ số liên kết ngược của ngành dệt (BL_{Dệt} = 1,244) lớn hơn 1 chứng tỏ đầu tư phát triển ngành dệt sẽ tạo ra liên kết ngược lớn hơn mức bình quân của nền kinh tế. Ngành dệt phát triển có ảnh hưởng lan toả thúc

đẩy các ngành khác phải tăng sản lượng để cung ứng cho ngành dệt như: trồng bông, trồng dâu nuôi tằm, hoá chất, các ngành chế biến khác...

Nhân tử đầu vào của ngành dệt ($IM = 3,64$) cho biết nếu giá trị gia tăng của ngành dệt tăng thêm 1 đơn vị thì nhu cầu sử dụng sản phẩm dệt của các ngành khác trong nền kinh tế tăng thêm 3,64 đơn vị. Hệ số liên kết xuôi của ngành dệt ($FL = 1,61$) cũng lớn hơn 1 chứng tỏ nếu đầu tư cho ngành dệt sẽ có tác động cung ứng đầu vào để phát triển các ngành khác như: ngành may, da giày, thương mại, khách sạn, nhà hàng... mà tác động trực tiếp nhất là ngành may.

Ngành dệt có hệ số liên kết xuôi và hệ số liên kết ngược đều lớn hơn 1 chứng tỏ đầu tư phát triển ngành dệt sẽ có hiệu ứng lan tỏa lớn về cả 2 phía thượng nguồn và hạ nguồn. Nhờ đó góp phần làm tăng sản lượng của các ngành khác, tạo việc làm, thu nhập cho người dân thành phố Đà Nẵng.

- **Nếu xét tác động ngoại vùng** (Bảng I/O liên vùng Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng còn lại của Việt Nam năm 2000 của Tổng cục Thống kê) cho thấy:

Ngành dệt Đà Nẵng sử dụng 0,13% nguyên liệu từ ngành dệt thành phố Hồ Chí Minh; 4,7% nguyên liệu dệt, 3,5% nguyên liệu bông, tơ tự nhiên của các địa phương khác. Ngược lại, nó đã đóng góp 3,6% trong giá trị sản phẩm dệt của Thành phố Hồ Chí Minh, 3,2% trong giá trị sản phẩm dệt của các địa phương khác; đóng góp 3,3% trong giá trị sản phẩm may của thành phố Hồ Chí Minh, 3,3% giá trị sản phẩm may của các địa phương khác.

Do đó, phát triển ngành dệt thành phố Đà Nẵng còn có tác động lan tỏa tới các địa phương khác. Nó vừa là thị trường tiêu thụ sản phẩm của các địa phương, đồng thời có khả năng cung ứng các đầu vào để thúc đẩy các ngành kinh tế của các địa phương khác phát triển.

2. Thực trạng tổ chức sản xuất trong ngành dệt thành phố Đà Nẵng

Theo số liệu của sở Công nghiệp, đến cuối năm 2005 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có 101 cơ sở dệt: 4 Doanh nghiệp nhà nước; 8 doanh nghiệp tư nhân và 89 hộ sản xuất cá thể, chưa có doanh nghiệp đầu tư nước ngoài nào trong lĩnh vực dệt.

Doanh nghiệp nhà nước, gồm: Công ty dệt may Hoà Thọ, Công ty Dệt nhuộm Sơn Trà (thuộc Vinatex); Công ty dệt Đà Nẵng, công ty dệt may 29/3 (do thành phố quản lý)

Doanh nghiệp tư nhân: Xí nghiệp tư nhân dệt Đa Phước, Công ty dệt thảm Thanh Sơn, Công ty cổ phần tơ lụa và dịch vụ nông nghiệp, Xí nghiệp dệt may Hoà Khánh, Công ty dệt may Thanh Phương, Công ty dệt may Vân Nam...

- **Về qui mô doanh nghiệp:** Nghị định 90 CP ngày 23/11/2001 của chính phủ qui định doanh nghiệp có vốn đăng ký trên 10 tỷ đồng hoặc có số lao động bình quân trên 300 người được coi là doanh nghiệp lớn. Đối chiếu với ngành dệt thành phố Đà Nẵng, nếu xét theo qui mô vốn chỉ có 02 doanh nghiệp được xếp vào loại qui mô lớn là Công ty dệt may Hoà Thọ và Công ty dệt may 29/3; Nếu xét theo qui mô lao động thì có thêm Công ty Dệt Đà Nẵng; còn lại là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Công ty dệt may Hoà Thọ và Công ty dệt may 29/3 thuộc loại qui mô lớn nhưng đó là do tính cả phần may, còn nếu tách riêng phần dệt thì các doanh nghiệp này chưa đạt qui mô lớn. Nhìn chung qui mô các doanh nghiệp dệt của thành phố Đà Nẵng còn rất nhỏ, nên năng lực sản xuất thấp; so với ngành dệt cả nước thì sản lượng sợi mới đạt khoảng 2,5%, sản lượng vải đạt 0,9%; so với nhu cầu của ngành may thì ngành dệt mới đáp ứng khoảng 15% lượng vải may xuất khẩu.

- **Trình độ chuyên môn hoá:** [2, tr.198-199]

+ Tỷ lệ chuyên môn hóa: Đo bằng tỷ lệ giữa công việc chính của doanh nghiệp với toàn bộ công việc của nó.

$$S_1 = \frac{x_1}{x}$$

Trong đó: x_1 là doanh thu công việc chính của doanh nghiệp.

$x = \sum x_j$ là tổng doanh thu của các công việc của doanh nghiệp

+ Chỉ số DR: Đo bằng tỉ lệ của việc làm thứ hai đối với toàn bộ công việc của doanh nghiệp.

$$DR = 1 - s_1 = \sum_{j=2}^K \frac{x_j}{x}$$

Dựa vào số liệu thu thập từ các doanh nghiệp ở năm 2005, ta tính được tỷ lệ chuyên môn hoá và chỉ số DR cho các doanh nghiệp lớn hoạt động từ 2 lĩnh vực trở lên.

Bảng 2: Tỷ lệ chuyên môn hoá và chỉ số DR của một số doanh nghiệp dệt

Doanh nghiệp	Lĩnh vực sản xuất chính (x_1)		Tổng doanh thu (triệu đ) $x = \sum x_j$	Tỷ lệ chuyên môn hoá $S_1 = \frac{x_1}{x}$	Chỉ số DR $DR = 1 - S_1$
	Công việc	Doanh thu (triệu đ)			
CT Dệt may Hoà Thọ	May	333.752	442.150	0,75	0,25
CT Dệt may 29/3	May	104.076	178.095	0,58	0,42
CT Dệt Đà Nẵng	Dệt vải	46.724	65.504	0,71	0,29

(Nguồn: Xử lý từ báo cáo của các doanh nghiệp)

Trong ngành dệt Đà Nẵng, chỉ có công ty Dệt nhuộm Sơn Trà chuyên dệt vải mộc có tỷ lệ chuyên môn hoá $S_1 = 1$, còn lại là các doanh nghiệp sản xuất đa dạng hoá. Công ty Dệt Đà Nẵng có tỷ lệ chuyên môn hoá ở lĩnh vực dệt cao nhất (71%); còn ở Công ty dệt may Hoà Thọ lĩnh vực dệt chỉ chiếm có 25%; ở Công ty dệt may 29/3 lĩnh vực dệt chiếm 42%.

Các doanh nghiệp thực hiện chiến lược đa dạng hoá sản phẩm có ưu điểm giảm bớt rủi ro, tận dụng tốt hơn các nguồn lực. Nhưng lại không có điều kiện tập trung chuyên sâu để hoàn thiện sản phẩm, dẫn đến chất lượng, mẫu mã, sức cạnh tranh của sản phẩm không cao. Đồng thời doanh nghiệp phải đầu tư dàn trải trong khi tiềm lực tài chính còn hạn chế, điều đó đã kìm hãm khả năng đầu tư và sử dụng thiết bị, công nghệ hiện đại đặc biệt là thiết bị chuyên dùng. Trình độ chuyên môn hóa thấp kéo theo qui mô sản xuất nhỏ và tính chuyên nghiệp trong sản xuất không cao dẫn đến khó khăn trong việc tiếp cận những đơn hàng xuất khẩu lớn, các khách hàng lớn.

- **Quan hệ liên kết trong việc cung ứng, sử dụng nguyên liệu:**

Bảng3: Tỷ lệ cung ứng nguyên liệu so với nhu cầu tại các công ty dệt trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng năm 2005 (Đvt: %)

<i>DN Sử dụng</i>	<i>Cty Dệt may Hoà Thọ</i>	<i>Công ty Dệt Đà Nẵng</i>	<i>Cty Dệt nhuộm Sơn Trà</i>	<i>Công ty Dệt may 29/3</i>
<i>DN cung ứng</i>				
Công ty Dệt may Hoà Thọ (Sợi)	-	11,4	12,7	22,8
Công ty Dệt nhuộm Sơn Trà (Vải mộc)	-	7,1	-	-

(Nguồn: Điều tra từ các doanh nghiệp)

+ Nguyên liệu sợi: Chủ yếu do Công ty dệt may Hoà Thọ sản xuất với sản lượng 3000 đến 4000 tấn sợi/năm, nhưng chỉ cung cấp một lượng rất ít (chưa đến 10% sản lượng sợi của công ty) cho các doanh nghiệp dệt trên địa bàn.

Trên địa bàn thành phố có 03 công ty có nhu cầu sử dụng sợi: Công ty dệt Đà Nẵng sử dụng dệt vải thành phẩm, Công ty Dệt nhuộm Sơn Trà sử dụng để dệt vải mộc, Công ty dệt may 29/3 sử dụng để dệt khăn bông. Các công ty này sử dụng sợi từ 3 nguồn cung cấp:

- Nguồn tại Đà Nẵng: Công ty dệt may Hoà Thọ và một số tổ hợp tư nhân.
- Sợi sản xuất từ các địa phương khác: Công ty Dệt Vĩnh Phú, công ty Dệt may Huế, Công ty Dệt Nha Trang...
- Sợi nhập khẩu: Nhập trực tiếp hoặc qua các đại lý ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng 3 cho thấy Công ty Dệt Đà Nẵng chỉ mua 11,4% sợi của Công ty dệt may Hoà Thọ, còn mua từ địa phương khác 31,6%, nhập khẩu 57%. Công ty dệt nhuộm Sơn Trà mua của công ty dệt may Hoà Thọ 12,7%, nhập khẩu 68%, mua của địa phương khác 19,3%. Công ty dệt - may 29/3 mua của công ty dệt may Hoà Thọ 22,8%, nhập khẩu 41%, mua từ địa phương khác 36,2%. Theo kết quả điều tra 2 doanh nghiệp mua sợi (Công ty dệt Đà Nẵng và Công ty dệt may 29/3); các doanh nghiệp cho rằng nguồn sợi của công ty dệt may Hoà Thọ có ưu thế về giá cả nhưng còn hạn chế về chất lượng, khả năng đáp ứng yêu cầu chưa phù hợp (về thời gian, số lượng, chủng loại) và điều kiện thanh toán chưa thuận lợi.

+Nguyên liệu vải mộc: Do Công ty dệt nhuộm Sơn Trà sản xuất từ năm 2004 với sản lượng 2,8 triệu m, năm 2005 là 4,5 triệu m; Xí nghiệp dệt Hoà Khánh có vải mộc bán thành phẩm với sản lượng 0,5 triệu m/năm. Sử dụng vải mộc để hoàn tất chỉ có công ty dệt Đà Nẵng; Trong khi đó Công ty dệt nhuộm Sơn Trà chỉ đáp ứng được 7,1% nhu cầu vải mộc của Công ty Dệt Đà Nẵng.

Nhìn chung các doanh nghiệp dệt trên địa bàn đã có quan hệ trong khai thác, sử dụng nguyên liệu: Sợi, vải mộc, nhưng sự liên kết còn rất hạn chế. Vì vậy, nguyên liệu tại chỗ mới đáp ứng một khối lượng rất nhỏ, chiếm tỷ trọng thấp trong nhu cầu nguyên liệu của các doanh nghiệp, nguồn nhập khẩu vẫn là chủ yếu.

Phân tích trên cho thấy tổ chức sản xuất trong ngành dệt Đà Nẵng còn những hạn chế đó là qui mô, năng lực sản xuất còn nhỏ, trình độ chuyên môn hoá chưa cao, sản xuất của các đơn vị còn mang nặng tính khép kín, sự liên kết hợp tác giữa các doanh nghiệp còn rất hạn hẹp. Từ đó dẫn đến năng lực sản xuất và sức cạnh tranh của ngành dệt còn rất thấp, còn rất xa so với đòi hỏi của ngành may.

3. Định hướng về tổ chức lại sản xuất trong ngành dệt thành phố Đà Nẵng

Sự kiện Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) và việc bãi bỏ chế độ hạn ngạch dệt may đang đặt ngành dệt may nói chung trước nhiều thách thức, mà thách thức lớn nhất là sự cạnh tranh trở nên gay gắt hơn, trong khi đó năng lực cạnh tranh của ngành dệt may Đà Nẵng lại chưa cao. Trong điều kiện của thành phố Đà Nẵng, muốn có một ngành công nghiệp dệt - may đủ sức cạnh tranh, thì yêu cầu cấp bách và lâu dài là cần đẩy mạnh phát triển ngành dệt để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm sao cho sản xuất được sợi, vải chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của ngành may về số lượng, chủng loại từ đó tạo ra thế chủ động về nguyên liệu cho ngành may. Để đáp ứng yêu cầu đó, cần tiến hành sắp xếp tổ chức lại sản xuất của ngành dệt, kết hợp với đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu sao cho nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả sản xuất kinh doanh trong ngành. Việc tổ chức lại sản xuất của ngành dệt thành phố Đà Nẵng phải dựa trên chiến lược phát triển ngành dệt may Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến 2020; Đồng thời phải bảo đảm thực hiện mục tiêu phát triển của ngành dệt may Đà Nẵng giai đoạn 2005 – 2010. Muốn vậy, tổ chức lại sản xuất trong ngành dệt cần thực hiện theo những định hướng sau:

- Tổ chức lại sản xuất trong ngành dệt phải theo xu thế đẩy mạnh liên kết, hợp tác: Việc tổ chức lại sản xuất cần tạo khả năng mở rộng quan hệ liên kết giữa các đơn vị trong việc cung cấp các yếu tố đầu vào và tiêu thụ sản phẩm. Mở rộng quan hệ liên kết giữa doanh nghiệp nhà nước với doanh nghiệp dân doanh, hộ cá thể; Liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài; Liên kết giữa doanh nghiệp qui mô lớn với doanh nghiệp vừa và nhỏ... Muốn vậy trong mỗi khâu cần xây dựng một số đơn vị đủ mạnh làm đầu mối thu hút các đơn vị khác.

- Chuyên môn hoá hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp: Muốn mở rộng liên kết trong ngành, cần sắp xếp lại hoạt động của các doanh nghiệp theo hướng tăng cường chuyên môn hoá. Vì chuyên môn hoá làm tăng tính phụ thuộc giữa các doanh nghiệp; đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp đi sâu hoàn thiện sản phẩm góp phần nâng cao năng suất lao động và khả năng cạnh tranh. Đối với ngành dệt nên chuyên môn hoá theo giai đoạn công nghệ, mỗi doanh nghiệp đi chuyên sâu làm chủ một giai đoạn công nghệ nhằm tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, chất lượng cao, nhờ đó tạo thuận lợi cho việc sử dụng máy móc chuyên dùng.

- Mở rộng qui mô đơn vị sản xuất trong ngành dệt: Sản xuất của ngành dệt có nhiều công đoạn yêu cầu kỹ thuật chế biến phức tạp, phải sử dụng thiết bị chuyên dùng. Trong ngành dệt, mức độ hiện đại hoá của trang thiết bị công nghệ và việc ứng dụng khoa học kỹ thuật có vai trò quyết định đối với năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Do đó tổ chức sản xuất của ngành dệt cần tập trung qui mô lớn mới tạo thuận lợi cho việc ứng dụng kỹ thuật hiện đại. Vì vậy khi tổ chức lại sản xuất trong ngành dệt phải bảo đảm mở rộng qui mô sản xuất để tạo điều kiện cho việc thúc đẩy hoạt động đầu tư tăng năng lực sản xuất.

Để triển khai những định hướng trên đây, trong ngành dệt Đà Nẵng nên chọn 3 doanh nghiệp đầu đàn là công ty dệt may Hoà Thọ, công ty dệt nhuộm Sơn trà; Công ty Dệt Đà Nẵng làm trụ cột, chuyên môn hoá sản xuất trong 3 công đoạn: Kéo sợi - dệt vải - nhuộm, hoàn tất và sắp xếp lại như sau:

+ Công ty dệt may Hoà Thọ (Đổi tên thành Công ty Sợi Hoà Thọ): Giữ vai trò trụ cột chuyên môn hoá khâu kéo sợi để nâng cao chất lượng sợi; đồng thời tập trung đầu tư, nâng công suất kéo sợi thêm 4000 tấn/năm để có thể cung cấp sợi cho các nhà máy dệt, bảo đảm các nhà máy dệt trên địa bàn có nguồn nguyên liệu tại chỗ ổn định. Các xí nghiệp may của công ty sẽ tách ra chuyển sang ngành may sát nhập với Vinatex Đà Nẵng.

+ Công ty dệt Sơn Trà: Chuyên môn hoá dệt vải mộc; đầu tư để nâng công suất dệt vải mộc 15 - 20 triệu m/ năm; công ty này sẽ cung cấp vải mộc cho Công ty Dệt Đà Nẵng, hoặc các công ty có vốn đầu tư nước ngoài hoàn tất. Đồng thời tiếp tục đầu tư thiết bị nhuộm, hoàn tất theo dự án đầu tư ban đầu để công ty có thể cho ra vải thành phẩm.

+ Công ty Dệt Đà Nẵng: Chuyên môn hoá dệt - nhuộm - hoàn tất để cung cấp vải cao cấp và một số sản phẩm dệt khác: màn tuyn, khăn bông (Chuyển từ công ty Dệt may 29/3 sang); Phần may của công ty này sẽ tách ra và chuyển sang Công ty may Đà Nẵng.

Ba công ty trên sẽ liên kết dọc với nhau tạo thành chuỗi: Kéo sợi (Công ty dệt may Hoà Thọ) → Dệt vải mộc (Công ty dệt Sơn trà) → Dệt, nhuộm, hoàn tất (Công ty Dệt Đà Nẵng). Ngoài ra, mỗi công ty tùy theo khả năng nên chọn các công ty nước ngoài sản xuất cùng mặt hàng để liên kết ngang theo hình thức liên doanh hoặc chọn các công ty tư nhân, các hộ cá thể làm vệ tinh cung cấp nguyên liệu. Các doanh nghiệp tư nhân sản xuất vải tơ tằm có thể hợp tác với công ty dệt ở khâu hoàn tất để nâng cao chất lượng vải.

4. Kết luận

Ngành dệt may thành phố Đà Nẵng đang đứng trước áp lực cạnh tranh rất lớn khi Việt Nam gia nhập WTO. Nâng cao năng lực cạnh tranh là vấn đề sống còn để bảo đảm sự tồn tại và phát triển của ngành. Tổ chức lại sản xuất ngành dệt chính là phát triển thượng nguồn cho ngành may, đó là tiền đề tạo ra thế chủ động và nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả kinh tế của toàn ngành dệt may.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trương Bá Thanh (2005), *Xây dựng mô hình Input Output thành phố Đà Nẵng*, Báo cáo đề tài khoa học cấp bộ B2005-14-32.
- [2] Sở Công nghiệp thành phố Đà Nẵng (2002), *Báo cáo qui hoạch phát triển ngành dệt may thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2001-2010*.
- [3] ROGER KLARKE, *Industrial Economics*, Basil Blackwell.
- [4] Điều tra thực tế tại các doanh nghiệp.